

NGHIÊN CỨU TÌNH TRẠNG VÀ PHÂN BỐ CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUÝ HIẾM TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SỚP CỘP, TỈNH SƠN LA

Vũ Tiên Thịnh

Trường Đại học Lâm nghiệp

Từ khóa: Chim, đa dạng
sinh học, Sốp Cộp, Sơn La,
thú

TÓM TẮT

Khu bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp, tỉnh Sơn La với hệ sinh thái đặc trưng cho vùng núi Tây Bắc là nơi có tính đa dạng sinh học cao, đặc biệt là các loài động vật. Kết quả của cuộc điều tra khu hệ động vật vào năm 2013 đã xác định được 25 loài thú và 12 loài chim quý hiếm hiện đang cư trú tại Khu bảo tồn. Các loài thú và chim quý hiếm tại Khu BTTN Sốp Cộp có kích thước quần thể nhỏ, nhiều loài ở mức độ hiếm hoặc rất hiếm, nguy cơ tuyệt chủng cục bộ là rất cao nếu không có các giải pháp bảo tồn kịp thời và hợp lý. Đặc biệt, Khu bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp còn là nơi phân bố của 2 loài thú cực kỳ nguy cấp và quý hiếm là Hổ (*Panthera tigris*) và Voi (*Elephas maximus*). Các loài động vật quý hiếm chủ yếu phân bố ở khu vực Huổi Pa Tét và đỉnh Pu Cấm. Các khu vực gần Huổi Pa Tét, xung quanh đỉnh Pu Cấm, khe bản Khả là các khu vực bị tác động mạnh bởi các hoạt động như săn bắn, khai thác gỗ, phá rừng làm rẫy trái phép.

Status and distribution of endangered species of wildlife species of Sop Cop Nature Reserve, Son La province

Keywords: Bird,
biodiversity, mammal, Son
La, Sop Cop

Sop Cop nature reserve in Son La Province has typical ecosystem of the northwestern region of Vietnam. The reserve harbors high biological diversity, especially wildlife. The fauna survey in 2013 identified the presence 25 endangered mammal and 12 bird species currently residing in Sop Cop Nature Reserve. Most endangered wildlife species have small population size, some of those are very rare and will be likely to be extinct if there is no urgent and suitable conservation efforts. Especially, Sop Cop nature reserve is still supporting 2 critically endangered species including Tiger (*Panthera tigris*) and Elephant (*Elephas maximus*). The endangered wildlife species mainly distributed in the Huoi Pa Tet and Pu Cam peak. The area surrounding Huoi Pa Tet, Pu Cam peak, Ban Kha are serverely affected by human preasures such as hunting, logging, and illegal deforestation.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Sốp Cộp được thành lập theo Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 11/11/2002 của UBND tỉnh Sơn La với tổng diện tích là 18.709ha, nằm trên địa bàn 2 huyện Sốp Cộp và huyện Sông Mã. Với hệ sinh thái đặc trưng của vùng núi Tây Bắc, Khu BTTN Sốp Cộp có tính đa dạng sinh học cao, là nơi cư trú của nhiều loài động vật quý hiếm. Các cuộc điều tra trước đây đã xác định sự có mặt của các loài cực kỳ quý hiếm như Hổ (*Panthera Tigris*), Báo hoa mai (*Panhetra pardus*), Sói đỏ (*Cuon alpinus*), Voi (*Elephas maximus*), Bò tót (*Bos gaurus*), Gà tiền mặt vàng (*Polyplectron icalcaratum*), Niệc cổ hung (*Aceros nipalensis*) phân bố trong phạm vi Khu bảo tồn... Quần thể của các loài động vật quý hiếm này đã và đang suy giảm nhanh chóng. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây chưa có nghiên cứu cụ thể nào về hiện trạng của chúng. Do vậy, việc nghiên cứu về các loài thú và chim quý hiếm tại Khu bảo tồn có ý nghĩa thực tiễn và khoa học cao. Kết quả của nghiên cứu này sẽ góp phần bổ sung dữ liệu đa dạng sinh học, là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học hiệu quả cho Khu BTTN Sốp Cộp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thú và chim quý hiếm tại Khu BTTN Sốp Cộp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Kế thừa có chọn lọc từ các nguồn tài liệu

Tiến hành thu thập các tài liệu có liên quan, đặc biệt các nghiên cứu liên quan đến khu hệ thú và chim ở khu BTTN Sốp Cộp. Trên cơ sở danh lục các loài động vật của các nghiên cứu trước đó, sơ bộ xác định danh sách các loài chim và thú quý hiếm tại khu BTTN Sốp Cộp.

2.2.2. Phỏng vấn

Cán bộ quản lý Khu BTTN, người dân đi rừng có kinh nghiệm được chọn để phỏng vấn. Bộ câu hỏi được soạn sẵn và ảnh minh họa được sử dụng trong quá trình phỏng vấn nhằm thu thập các thông tin quan trọng về các loài thú và chim quý hiếm của khu vực như thành phần loài, trữ lượng, phân bố, tình trạng... Các thông tin này góp phần kiểm chứng kết quả điều tra ngoài thực địa, đồng thời xác định sự có mặt của các loài quan trọng mà có thể trong quá trình điều tra thực địa không ghi nhận được.

2.2.3. Điều tra thực địa

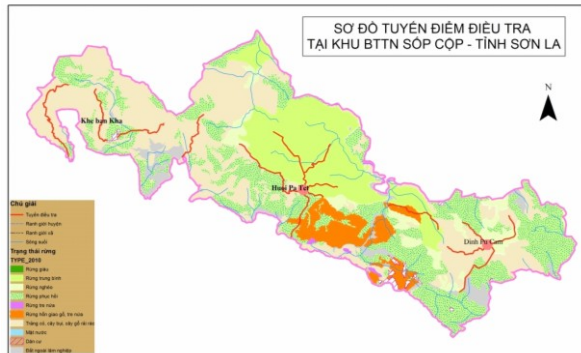
Quá trình điều tra thực địa trên tuyến được tiến hành từ tháng 4 và tháng 5 năm 2013 và chia làm 3 đợt khác nhau. Các tuyến có chiều dài khoảng 3-5km, đi qua nhiều dạng sinh cảnh khác nhau. Các tuyến được điều tra vào buổi sáng sớm và chiều tối, vì đây là khoảng thời gian các loài thú và chim hoạt động và đi kiếm ăn nhiều nhất. Trong quá trình điều tra trên tuyến, các loài sẽ được phát hiện bằng mắt thường hoặc ống nhòm, qua tiếng kêu, dấu chân, dấu lông, dấu phân, thức ăn để lại. Lưới mờ cũng được sử dụng để thu thập mẫu vật của các loài chim. Thông tin về các đợt điều tra như sau:

- Đợt 1: Khảo sát tại khu vực xã Dømm Cang, thuộc huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, bao gồm 6 tuyến đi qua các sinh cảnh làng bản, nương rẫy, sinh cảnh trảng cỏ, cây bụi, sinh cảnh rừng phục hồi sau nương rẫy, sinh cảnh rừng nghèo, sinh cảnh rừng trung bình, sinh cảnh rừng tre nứa.

- Đợt 2: Khảo sát tại khu vực giáp ranh của xã Huổi Một huyện Sốp Cộp và xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Hoạt động điều tra được tiến hành trên 5 tuyến, đi qua các sinh cảnh làng bản nương rẫy, sinh cảnh trảng

cỏ, cây bụi cây gỗ rải rác, sinh cảnh rừng phục hồi sau nương rẫy, sinh cảnh rừng nghèo.

- Đợt 3: Khảo sát tại khu vực xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, trên 4 tuyến điều tra các sinh cảnh làng bản nương rẫy, sinh cảnh trảng cỏ, cây bụi cây gỗ rải rác, sinh cảnh rừng phục hồi sau nương rẫy.



Hình 1. Sơ đồ tuyến điểm điều tra tại Khu BTTN Sốp Cộp

2.2.4. Xử lý số liệu

Định loại thú ăn thịt theo Lekagul *et al.*, (1988) và Francis (2008). Tên khoa học và hệ

thống phân loại của thú theo Wilson and Reader trong Nguyễn Xuân Đăng & Lê Xuân Cảnh (2009).

Các loài chim quý hiếm được xác định thông qua quan sát hình thái bên ngoài dựa vào Robson (2005); Nguyễn Cử *et al.* (2005) và qua tiếng hót.

Mức độ quý hiếm và nguy cấp của các loài thú và chim được xác định dựa trên các tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007), Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Danh lục đỏ IUCN (IUCN, 2013).

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng các loài thú quý hiếm tại Khu BTTN Sốp Cộp

Qua các thông tin điều tra thực địa, phỏng vấn và kết hợp các tài liệu đã được công bố, danh sách các loài thú quý hiếm tại Khu BTTN Sốp Cộp được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Danh sách các loài thú quý hiếm tại khu BTTN Sốp Cộp

STT loài	Tên phổ thông	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn		
			IUCN 2013	SĐVN2 007	NĐ 32
	I. Bộ Ăn thịt	I. Carnivora			
	1. Họ Chó	1. Canidae			
1	Sói đỏ	<i>Cuon alpinus</i>	NT	EN	IB
	2. Họ Gấu	2. Ursidae			
2	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i>	EN	EN	IB
3	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	VU	EN	IB
	3. Họ Cây	3. Viveridae			
4	Cầy mực	<i>Artictis binturong</i>	VU	EN	IIB
5	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>		VU	IIB
6	Cầy vằn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>	VU	VU	IIB
7	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>	NT	VU	IIB
8	Cầy hương	<i>Viverrcula indica</i>			IIB
	4. Họ Mèo	4. Felidae			
9	Beo lửa	<i>Catopuma temmincki</i>	NT	EN	IB

STT loài	Tên phổ thông	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn		
			IUCN 2013	SĐVN2 007	NĐ 32
10	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	VU	EN	IB
11	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	VU	CR	IB
12	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	EN	CR	IB
13	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>			IB
14	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>	VU	VU	IB
	5. Họ Triết/Họ chồn	5. Mustelidae			
15	Lửng lợn	<i>Arctonyx collais</i>	NT		
	II. Bộ Linh trưởng	II. Primates			
	6. Họ Culi	6. Loricidae			
16	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	EN	VU	IB
17	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	EN	VU	IB
	7. Họ Khỉ	7. Cercopithecidae			
18	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	VU	VU	IIB
19	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	NT	VU	IIB
20	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>			IIB
21	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	VU	VU	IIB
22	Voọc xám	<i>Trachypithecus crepusculus</i>	EN	VU	IB
	8. Họ Vượn	8. Hylobatidae			
23	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus leucogenys</i>	CR	EN	IB
	III. Bộ Có vòi	III. Proboscidea			
	9. Họ Voi	9. Elephantidae			
24	Voi	<i>Elephas maximus</i>	EN	CR	IB
	IV. Bộ Guốc chẵn	IV. Artiodactyla			
	10. Họ Bò	12. Bovidae			
25	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>	VU	EN	IB

Ghi chú: NĐ32: Nghị định số 32 của Chính phủ năm 2006; SĐVN: Sách Đỏ Việt Nam năm 2007; IUCN: Sách Đỏ thế giới năm 2013. CR: Loài ở cấp rất nguy cấp; EN: Loài ở cấp nguy cấp; VU: Loài ở cấp sẽ nguy cấp; NT: Gần bị đe dọa; IB: Động vật rừng cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIB: Động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Kết quả điều tra cho thấy có 25 loài thú quý hiếm thuộc 12 họ đã được ghi nhận tại Khu BTTN Sốp Cộp. Trong đó, có 15 loài thuộc bộ Ăn thịt, 8 loài thuộc bộ Linh trưởng, 1 loài thuộc bộ Guốc chẵn và 1 loài thuộc bộ Có vòi. Hầu hết các loài quý hiếm được ghi nhận tại Khu BTTN Sốp Cộp đều có giá trị bảo tồn cao. Có 21 loài có tên trong SĐVN 2007,

trong đó có 3 loài xếp ở mức Cực kỳ nguy cấp (CR), 8 loài được xếp ở mức nguy cấp (EN), 10 loài được xếp ở mức sắp nguy cấp (VU). Có 21 loài có tên trong sách đỏ thế giới, trong đó có 1 loài xếp ở mức Cực kỳ nguy cấp (CR) là loài Vượn đen má trắng, 6 loài được xếp ở mức nguy cấp (EN), 9 loài được xếp ở mức sắp nguy cấp (VU), 5 loài xếp ở mức gần đe

dọa (NT). Theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của chính phủ, Khu BTTN có 15 loài nghiêm cấm khai thác sử dụng (phụ lục IB) và có 9 loài hạn chế khai thác sử dụng (phụ lục IIB).

3.2. Hiện trạng các loài chim quý hiếm tại Khu BTTN Sốp Cộp

Bảng 2. Danh sách các loài chim quý hiếm tại khu BTTN Sốp Cộp

STT loài	Tên Việt nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn		
			SDVN 2007	IUCN 2013	NĐ32
	I. Bộ Cắt	I. Falconiformes			
	1. Họ Ưng	1. Accipitridae			
1	Diều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>			IIB
	II. Bộ Gà	II. Galliformes			
	2. Họ Trĩ	2. Phasianidae			
2	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>			IB
3	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	VU		IB
	III. Bộ Vẹt	III. Psittaciformes			
	3. Họ Vẹt	3. Psittacidae			
4	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>			IIB
	IV. Bộ Cú	IV. Strigiformes			
	4. Họ Cú lợn	4. Tytonidae			
5	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>			IIB
	5. Họ Cú Mèo	5. Strigidae			
6	Dù dì nê pan	<i>Bubo nipalensis</i>	CR		
	V. Bộ Sả	V. Coraciiformes			
	6. Họ Bói cá	6. Alcedinidae			
7	Bói cá lớn	<i>Megaceryle lugubris</i>	VU		
	7. Họ hồng hoàng	7. Bucerotidae			
8	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	CR	VU	IIB
9	Niệc nâu	<i>Anorrhinus tickelli</i>	VU	NT	IIB
10	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	VU	NT	
	VI. Bộ Sẻ	VI. Passeriformes			
	8. Họ Chích chòe	8. Turdidae			
11	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>			IIB
	9. Họ Sáo	10. Sturnidae			
12	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>			IIB

Tổng số 12 loài chim quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng thuộc 9 họ và 6 bộ đã được ghi nhận tại Khu BTTN Sốp Cộp. Trong đó, 6 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007) với

2 loài được xếp ở mức Cực kỳ nguy cấp (CR) là Dù dì Nepal và Niệc cổ hung, 4 loài ở mức độ sẽ nguy cấp (VU). Có 3 loài có tên trong danh lục đỏ IUCN(2013), bao gồm 1 loài ở

mức độ sẽ nguy cấp và 2 loài ở mức độ sắp bị đe dọa (NT). 9 loài có tên trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP năm 2006, bao gồm 2 loài nghiêm cấm khai thác sử dụng (IB), 7 loài ở mức hạn chế khai thác sử dụng (IIB).

Phần lớn các loài chim có nguy cơ tuyệt chủng đều là các loài hẹp sinh cảnh và phân bố ở sinh cảnh rừng già. Hiện nay, tại Khu BTTN Sốp Cộp, rừng già chỉ còn phân bố ở khu vực Huổi Pa Tét, Khe Sanh và một phần đỉnh Pu Cắm. Các khu vực trên cũng chính là các khu vực có nhiều loài chim quý hiếm nhất cư trú tại Khu BTTN Sốp Cộp.

3.3. Tình trạng một số loài thú và chim quý hiếm tại Khu BTTN Sốp Cộp

Các loài thú và chim quý hiếm trong khu vực đều có tình trạng hiếm và rất hiếm với kích thước quần thể nhỏ. Dưới đây là thông tin về tình trạng và phân bố của một số loài quý hiếm được ghi nhận trong đợt điều tra:

Các loài linh trưởng

Voọc xám (*Trachypithecus crepusculus*) và Vượn đen má trắng (*Nomascus leucogenys*) là 2 loài linh trưởng quý hiếm nhất cư trú trong khu BTTN. Theo thông tin phỏng vấn, một số thợ săn khẳng định loài Voọc xám còn cư trú trong KBT, đặc biệt tại khu vực huổi Pa Tét. Tại khu vực Sài Khao thuộc xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tiếp giáp KBT có một quần thể Vượn đen má trắng phân bố. Trong tương lai, nên nghiên cứu mở rộng ranh giới KBT sang khu vực Sài Khao.

Các loài thú ăn thịt

Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) và Gấu chó (*Helarctos malayanus*) là 2 loài hiện đang bị săn bắt mạnh, số lượng cá thể trong tự nhiên suy giảm một cách nhanh chóng trong những năm gần đây. Trong các đợt khảo sát, chúng tôi ghi nhận được dấu vết cào trên thân cây

của Gấu chó tại khu vực Huổi Pa Tét. Theo thông tin phỏng vấn của thợ săn thì trong khu bảo tồn có cả Gấu chó và Gấu ngựa. Các năm gần đây vẫn có một số cá thể Gấu bị săn bắn. Một số khu vực còn là nơi cư trú của Gấu, bao gồm Huổi Pa Tét và Khe Sanh. Tuy nhiên, do áp lực săn bắn cũng như mất sinh cảnh sống nên số lượng Gấu ngựa và Gấu chó đã suy giảm rất nhiều so với hơn 10 năm trước.

Sói đỏ (*Cuon alpinus*) là loài có vùng phân bố khá rộng. Tuy nhiên hiện nay do tình trạng săn bắn quá mức và sự suy giảm của quần thể thú mồi nên số lượng cá thể của loài giảm sút mạnh. Theo kết quả điều tra năm 2003 tại khu BTTN Sốp Cộp, đã ghi nhận loài Sói đỏ cư trú trong KBT. Theo thông tin phỏng vấn thợ săn, trước đây quần thể Sói đỏ rất lớn. Hiện nay vẫn còn một đàn Sói đỏ khoảng 5-6 cá thể tại khu vực Huổi Hư, thuộc xã Mường Cai. Vào tháng 3/2013, một đàn chó sói đuổi trâu của người dân tại Mường Cai đã được ghi nhận.

Hổ (*Panthera tigris*) và Báo gấm (*Neofelis nebulosa*) là những loài động vật hoang dã có số lượng cá thể rất ít ở Việt Nam, hiện nay chỉ còn phân bố ở một số khu vực nhất định. Tại khu BTTN Sốp Cộp, theo thông tin phỏng vấn cán bộ kiểm lâm thuộc trạm Túc Phạ và một số thợ săn thì có một cá thể Hổ tại khu vực đỉnh Pu Cắm. Cá thể Hổ này đã bắt con bò của đồng bào Mông vào tháng 10/2012 và để lại nhiều dấu chân tại đỉnh Pu Cắm. Tuy nhiên, các thợ săn đều cho rằng con Hổ đó có khả năng di chuyển từ Lào sang.

Báo gấm hiện vẫn còn xuất hiện trong KBT. Vào tháng 2/2013, một cá thể báo gấm nặng 15kg đã bị bắn bởi thợ săn. Cũng theo thông tin phỏng vấn thợ săn thì Báo gấm hiện còn rất hiếm so với trước đây và chỉ còn phân bố tại các khu rừng sâu như Huổi Pa Tét và Khe

Sanh, rất hiếm khi thấy Báo gấm xuất hiện tại các khu vực nương rẫy và khu dân cư.

Voi

Voi (*Elephas maximus*) phân bố dọc theo biên giới phía Tây của giáp Lào và Campuchia. Voi có thể sống ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau và có thể phân bố ngay cạnh các sinh cảnh gần khu dân cư và nương rẫy. Tại KBT Sốp Cộp, một cá thể Voi đã được ghi nhận tại khu Mường Cai vào năm 2012. Cá thể này thường xuất hiện vào mùa thu hoạch ngô (khoảng tháng 8, 9 hàng năm).

Mẫu vật của loài Sơn dương (*Naemorhedus sumatraensis*) được ghi nhận tại khu vực bản Túc Phạ, xã Huổi Một. Cá thể sơn dương này vừa bị bắn trước đó 2 tháng tại khu vực Khe Sanh.

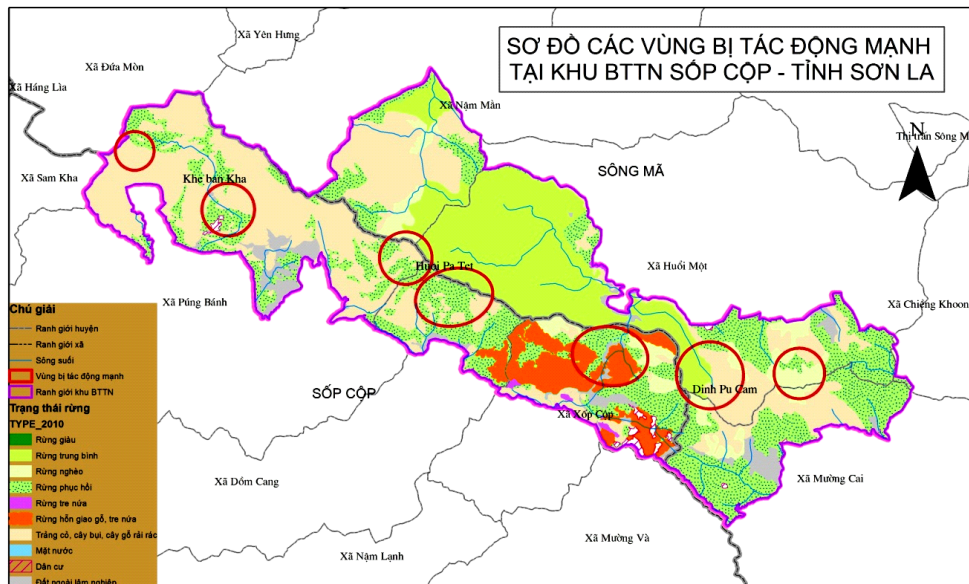
Các loài chim

Gà tiền mặt vàng (*Polyplectron bicalcaratum*) và Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*) là 2 loài chim quý hiếm và đang là đối tượng săn

bắn của người dân địa phương. Gà tiền mặt vàng rất dễ được phát hiện qua tiếng kêu đặc trưng và lông đuôi, lông cánh rụng trên nền rừng. Trong quá trình điều tra thực địa và phỏng vấn, đoàn điều tra đã ghi nhận được nhiều thông tin về loài Gà tiền mặt vàng. Trên các tuyến điều tra thực địa chúng tôi ghi nhận được dấu vết bới, lông của loài tại khu vực Huổi Pa Tét, khu vực đỉnh Pu Căm, khu vực rừng của bản Khá. Tại bản Túc Phạ chúng tôi có ghi nhận được mẫu vật là đuôi của Gà tiền mặt vàng tại nhà của thợ săn. Như vậy có thể khẳng định hiện còn loài Gà tiền mặt vàng phân bố trong phạm vi KBT.

Lông của loài Gà lôi trắng được phát hiện tại khu vực Huổi Pa Tét. Tại khu vực bản Khá, một cá thể trống đang được nuôi trong nhà của người dân địa phương. Gà lôi trắng chủ yếu phân bố ở các sinh cảnh trảng cỏ và cây bụi tại các khu vực như Huổi Pa Tét, đỉnh Pu Căm, số lượng của loài hiện nay còn tương đối ít.

3.4. Các mối đe dọa chính đến thú và chim quý tại Khu BTTN Sốp Cộp



Hình 2. Các khu vực bị tác động mạnh trong khu BTTN Sốp Cộp

Săn bắt được coi là mối đe dọa hàng đầu làm giảm sút số lượng cá thể của các loài. Săn bắt

động vật chủ yếu được thực hiện bởi nam giới, người dân địa phương sống phụ thuộc vào

rừng. Thợ săn chủ yếu bẫy bắt các loài động vật nhỏ như Cầy, Gà rừng, Lợn rừng, các loài Linh trưởng... Ngoài ra, khai thác gỗ trái phép, phá rừng làm nương rẫy là nguyên nhân chính làm cho diện tích rừng trong khu vực bị suy giảm, làm mất sinh cảnh sống của các loài. Các khu vực bị đe dọa ảnh hưởng nhiều nhất trong Khu BTTN Sốp Cộp là khu vực trên đường đi vào Huổi Pa Tét, Khu vực xung quanh đỉnh Pu Căm, Khu vực khe bản Khá.

IV. KẾT LUẬN

1. Kết quả điều tra đã ghi nhận được 25 loài thú quý hiếm thuộc 12 họ tại Khu BTTN Sốp Cộp. Trong đó, 15 loài thuộc bộ Ăn thịt, 8 loài thuộc bộ Linh trưởng, 1 loài thuộc bộ Guốc chẵn và 1 loài thuộc bộ Có vôi. Có 21 loài có tên trong sách đỏ thế giới, 21 loài có tên trong SĐVN 2007, 24 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

2. Tổng số 12 loài chim quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng thuộc 9 họ và 6 bộ đã được ghi nhận trong Khu BTTN Sốp Cộp. Trong đó, 6 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam(2007), 3 loài có tên trong danh lục đỏ IUCN (2013), 9 loài có tên trong Nghị định số 32/2006 /NĐ-CP. Đặc biệt, Khu bảo tồn còn là nơi cư trú của 2 loài thú lớn đặc biệt quý hiếm là Hổ và Voi.

3. Các loài thú và chim được ghi nhận tại Khu BTTN Sốp Cộp đều ở tình trạng hiếm hoặc rất hiếm. Kích thước quần thể của các loài đã bị giảm sút mạnh và hiện chỉ còn phân bố ở một vài khu vực có sinh cảnh rừng ít bị tác động như Huổi Pa Tét, đỉnh Pu Căm.

4. Các mối đe dọa chính đến các loài động vật quý hiếm trong khu vực là săn bắn, khai thác gỗ trái phép, phá rừng làm nương rẫy. Các khu vực bị tác động mạnh là đường đi vào Huổi Pa Tét, xung quanh đỉnh Pu Căm, khu vực khe bản Khá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/ NĐ-CP, ngày 30/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
3. Charles M.Francis, 2008. A Field Guide to the Mammals of South-East Asia. New Holland Publishers.
4. IUCN, 2013. Red list of Threatened species. Website: <http://www.iucnredlist.org>.
5. Lekagul B. & J. A. Mc Neely, 1988. Mammals of Thailand, Bangkok.
6. Nguyễn Cừ, Lê Trọng Khải, Karen Phillips, 2002. Chim Việt Nam. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội Hà Nội.
7. Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh, 2009. Phân loại học lớp thú (Mammalia) và đặc điểm khu hệ thú hoang dã Việt Nam. Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2002. Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển khu bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp Sơn La, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Sơn La.
9. Robson, Craig, 2005. Birds of Southeast Asia. Princeton University Press, Princeton, New Jersey.

Người thẩm định: TS. Nguyễn Kim Tiến